

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2023.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phúc.
- Ông Nguyễn Quang Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Anh H, sinh năm: 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã T, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã T, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Anh H có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2023 và trong quá trình tố tụng có nội dung như sau: Năm 2020, ông và bà Trần Thị Thu H1 sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L vào ngày 24/7/20xx. Do ông và bà H1 không tìm hiểu kỹ trước khi xác lập quan hệ hôn nhân nên khi sống chung không hạnh

phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy nhau. Nay xét thấy không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Thu H1.

Nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Tú Q, sinh ngày 24/7/20xx. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản: Vợ chồng có số vàng cưới là 10 chỉ vàng 24 kara, hiện do bà H1 đang quản lý. Khi ly hôn ông yêu cầu chia đôi tài sản chung này.

Ngày 06/4/2023 ông H có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Anh H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản với bà Trần Thị Thu H1; hiện bà H1 hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Ông H và bà H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/7/20xx. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H1 là hợp pháp.

[5] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của tòa án cho cho bà H1; bà H1 không có ý kiến gì và có đơn đề nghị xét

xử vắng mặt. Điều này chứng minh bà H1 không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông H có cơ sở chấp nhận.

[6] Nuôi con chung: Ông H và bà H1 có con chung tên Trần Ngọc Tú Q, sinh ngày 24/7/20xx. Ông H đồng ý giao con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi con. Xét, con chung hiện đang sống chung với bà H1. Mặc khác, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, do Tú Q chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Trần Ngọc Tú Q cho bà H1 nuôi dưỡng. Bà H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chia tài sản: Ông H xác định vợ chồng có số vàng cưới là 10 chỉ vàng 24 kara, hiện do bà H1 đang quản lý. Khi ly hôn ông yêu cầu chia đôi tài sản chung này. Ngày 06/4/2023, ông H có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc rút đơn của ông H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[8] Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[9] Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bà Trần Thị Thu H1.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Anh H và bà Trần Thị Thu H1.

Nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Tú Q, sinh ngày 24/7/20xx cho bà Trần Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh H yêu cầu chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24kara với bà Trần Thị Thu H1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Anh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003304 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Hoàn trả cho ông Trần Anh H 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003305 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- UBND xã T, huyện T,
- L;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa